ĐỀ THI ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC

NHÓM NĂNG LỰC: (CM)

TÊN NĂNG LỰC: Tích hợp hệ thống CNTT

CẤP ĐỘ: 4

Biểu hiện 1:

- Có hiểu biết sâu về hệ thống nghiệp vụ và các kết nối với những hệ thống liên quan, kết nối giữa hệ thống nghiệp vụ và hệ thống CNTT để phán đoán nguyên nhân lỗi, đưa ra hướng và tổ chức xử lý lỗi

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề mất an toàn trong giao tiếp giữa các hệ thống CNTT;

- Có khả năng xây dựng SLA, và triển khai SLA cho các hệ thống, dịch vụ được quản lý

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh/chị hãy cho biết Ưu nhược điểm của fulltext index trong Lotus Domino với tần suất “Immediate”? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

* Ưu điểm
* Có thể tìm kiếm được document ngay khi document được tạo mới/cập nhật/xóa thông tin trong database
* Thường dùng trong trường hợp các ứng dụng có lượng document lớn, thông tin thay đổi liên tục và người sử dụng mong muốn được cập nhật thông tin ngay khi có thay đổi.
* Tốc độ tìm kiếm nhanh
* Nhược điểm
* Việc tạo index với cơ chế “Immediate” ảnh hưởng đến nhiều tài nguyên hệ thống: CPU, RAM, tốc độ đọc/ghi ổ cứng
* Trong trường hợp database với lượng dữ liệu rất lơn, thông tin thay đổi liên tục, việc đánh chỉ mục ngay lập tức đôi khi
* Trả lời đúng mục 1 được 60% điểm (mỗi ý 20% điểm) , mục 2: 40% điểm (mỗi ý 20% điểm)

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãnh trình bày tóm tắt chức năng của 2 Server: Incomming mail server và Outgoing mail server? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Incomming mail server: đối nội, quản lý mail domain, quản lý mailbox, phân phối message vào mailbox.

- Outgoing mail server: đối ngoại, gửi và nhận message

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Để 2 người có thể gửi thư điện tử có mã hóa cho nhau thì cần trao đổi Public Key hay Private Key? Trao đổi bằng cách nào? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Trao đổi bằng Public Key.

- Các trao đổi:

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh/chị hãy cho biết trong Lotus Domino khi đánh fulltext index, quản trị hệ thống có thể lựa chọn tần suất cập nhật index như thế nào? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

Lotus Domiono cung cấp các lựa chọn sau về tần suất cập nhật fulltext index sau:

* Daily (mặc định):
* Cập nhật hàng ngày, vào thời gian cấu hình chạy tiến trình ***Updall*** của server (mặc định vào 2 sáng hàng ngày)
* Thường dùng trong trường hợp các database có dữ liệu rất lớn do việc cập nhật mất nhiều thời gian
* Hourly:
* Cập nhật hàng giờ, theo tiến trình Chronos của hệ thống
* Thường dùng trong trường hợp các database có thông tin thay đổi thường xuyên và việc có nhu cầu cập nhật hàng giờ
* Scheduled
* Cập nhật theo lịch đặt bằng document “Program” để chạy tiến trình Updall của server
* Immediate
* Cập nhật ngay khi có thay đổi thông tin
* Thường dùng trong trường hợp các database có thông tin thay đổi liên tục và người dùng mong muốn cập nhật thông tin ngay khi có thay đổi

Trả lời đúng mỗi mục được 25% điểm, mỗi ý 12.5% điểm

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh/chị hãy cho biết trong Lotus Domino có mấy cách tìm kiếm fulltext các document trong một database? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

Trong Lotus Domino, có 3 cách tìm kiếm fulltext để tìm các document trong một Database:

- Tìm kiếm FTSearch trong toàn bộ Database: tìm kiểm fulltext toàn bộ document trong một database

- Tìm kiếm FTSearch từ view: tìm kiếm fulltext các document trong một view của database

- Tìm kiếm FTSearch từ một tập DocumentCollection: tìm kiếm fulltext các document trong một tập các document của Database

Trả lời đúng mỗi mục được 25% điểm, mỗi ý 12.5% điểm

Biểu hiện 2:

* Nắm rõ tất cả các quy trình của quản trị vận hành hệ thống và các hệ thống liên quan; Có khả năng xây dựng tài liệu, quy trình vận hành khai thác.
* Có khả năng xây dựng kịch bản hoặc xây dựng các tính năng mới cho hệ thống
* Có thể hướng dẫn các kiến thức cơ bản được cho người khác quản trị các hệ thống được giao; Có khả năng thẩm định nội dung và kết quả thực hiện công việc trong phạm vi quản trị, vận hành hệ thống được giao;

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị cho biết trong trường hợp các Database liên quan đến Hệ thống VNPT Portal hoạt động ổn định nhưng khi truy cập tới Hệ thống VNPT Portal hiển thị màn hình lỗi, khi đó anh chị cần phải kiểm tra ở đâu để xác định lỗi: | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** | Kiểm tra kết nối tới Hệ thống IBM Tivoli Directory |  |  |
|  | Kiểm tra từng node trong cụm cluster WebSphere:  - Kết nối từ Server IBM HTTP Server tới từng node có thông không  - Dịch vụ trên từng node có chạy không |  |  |
| *Don't forget to include the deadline! 10 phút* | | |  |

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị cho biết khi truy cập vào Hệ thống VNPT-CAS nhận được thông báo “Lỗi kết nối tới server tin nhắn!”, để xác định được nguyên nhân lỗi anh chị cần thực hiện thao tác gì: | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời

Truy cập vào máy chủ cài đặt dịch vụ Web của VNPT-CAS 10.1.3.200 và thực hiện kiểm tra:

- B1: Kiểm tra kết nối tới web service cung cấp dịch vụ tin nhắn 993. Nếu kết nối không thông thì thông báo cho quản trị hệ thống 993 xử lý, ngược lại chuyển đến B2.

- B2: Đăng nhập vào trang Web hỗ trợ gửi tin nhắn trên Web, gửi thử tin nhắn đến số điện thoại cá nhân, nếu cá nhân không nhận được thì thông báo tới quản trị Hệ thống 993, nếu không nhận được thì thông báo cho quản trị hệ thống 993 xử lý, ngược lại chuyển đến B3.

- B3: Kiểm tra log của máy chủ Apache Tomcat xem có thông báo lỗi kết nối tới DB không,

+ Nếu có lỗi kết nối và dịch vụ trên DB bình thường thì xử lý như sau:

* Cấu hình để hệ thống không sử dụng OTP khi đăng nhập Tomcat
* Khởi động lại dịch vụ trên DB
* Cấu hình lại hệ thống VNPT-CAS sử dụng OTP

+ Nếu không có thì khởi động lại dịch vụ Apache Tomcat

- Nếu đã thực hiện B3 mà dịch vụ không truy cập được thì chuyển sang Hệ thống VNPT-CAS dự phòng.

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị cho biết khi truy cập vào Hệ thống VNPT-Portal nhận được thông báo sau, anh chị phán đoán nguyên nhân và cách xử lý? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Kiểm tra dịch vụ trên các DB và kết nối từ từng node của WebSphere với DB

- Kiểm tra dịch vụ trên từng node của cụm WebSphere

- Xác định node bị lỗi và khởi động lại dịch vụ

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy liệt kê các Server role Exchange 2007. Một Organization Exchange buộc phải có các role nào? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Gồm có: Edge Transport Server, Hub Transport Server, Mailbox Server, Client Access Server, Unified Messaging Server.

- Bắt buộc: Hub Transport Server, Mailbox Server, Client Access Server

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy trình bày công dụng của mail user và mail contact? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Mail User:

+ Là một user account trong hệ thống AD được Exchange cung cấp 1 External Email Address và không được phép gửi nhận email trong hệ thống Exchange

+ Mục đích sử dụng: Lưu thông tin các user account vào danh sách Address List của Exchange

- Mail Contact:

+ Là một contact trong hệ thống AD được Exchange cung cấp một External Email Address.

+ Mục đích sử dụng: Lưu trữ địa chỉ email của khách hàng hoặc đối tác và Address List của Exchange

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy trình bày công dụng của Resource mailbox? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Resource mailbox là một mailbox đại diện cho Room hoặc Equiqment có chức năng hỗ trợ cho việc đăng ký lịch sử dụng phòng họp hoặc thiết bị.

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy trình bày sự khác biệt giữa 3 loại Distribution Group: distribution type, security type, dynamic? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Security Group: phân phối email, phân quyền được

- Distribution Group: phân phối email nhưng không phân quyền được.

- Dynamic Distribution Group: phân phối email, tự động sửa thành viên dựa vào thuộc tính của thành viên.

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy trình bày một vài cách khống chế hoạt động của người dùng thông qua cấu hình thuộc tính mailbox? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời

- Sử dụng Storage Quotas để giới hạn dung lượng mailbox

- Sử dụng Message Size Restrictions để giới hạn dung lượng mail gửi đi và nhận về.

- Sử dụng Delivery Restrictions để giới hạn user có thể gửi mail đến ai và có thể nhận từ ai.

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Công ty ABC triển khai Organization Exchange có 04 role: Mailbox Server Role, Client Access Server Role, Edge Transport Server Role, Hub Transport Server Role. Anh chị hãy giải thích ý nghĩa của từng Role? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời

- Edge Transport Server:

+ Có chức năng vận chuyển mail trên internet

+ Lọc spam mail

- Hub Transport Server:

+ Có chắc năng vận chuyển mail trên internet và trong nội bộ

+ Lọc spam mail

- Mailbox Server:

+ Có chức năng lưu trữ và quản lý database trong hệ thống Exchange

+ Hỗ trợ kết nối từ các chương trình MAPI Client, ví dụ MS Outlook

- Client Access Server:

+ Tiếp nhận các kết nối từ None-MAPI Client

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy Trình bày nguyên lý phục hồi một mailbox đã bị xóa hẳn trên cơ sở dữ liệu? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời

- Tạo một mailbox mới

- Restore dữ liệu từ mailbox cũ vào folder nào đó được tạo trên mailbox mới.

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy Trình bày nguyên lý mail off-line? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Liên hệ Server Offline (trung gian)

- Tạo MX Record chỉ về host đại diện cho Mail Server hỗ trợ offline

- Cấu hình mail Server kết nối với Server trung gian để download mail về

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy trình bày tóm lược các bước để xây dựng AD domain gồm 01 domain controller và 01 domain member? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Nâng cấp Domain: máy chạy Windows Server

+ Chỉnh địa chỉ Prefered DNS Server về địa chỉ IP chính mình

+ Start – Run: dcpromo và nâng cấp theo trình Wizard.

- Client Join Domain:

+ Chỉnh địa chỉ Prefered DNS Server về địa chỉ IP của máy Doamin Controller

+ Kiểm tra đường truyền: ping máy DC

+ My Computer – Properties, tab Computer Name, chọn Change, Member of chọn Domain, nhập vào tên Domain, nhập user/password của user trong domain. Restart máy.

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy nêu một số nguyên nhân chính tình trạng IP Server mail bị đưa vào Blacklist? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

* Do Server mail bị nhiễm virus, spam rồi tự động phát tán
* Do một tổ chức chống spam liệt một dải IP vào trong black list.

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy cho biết trong hệ thống Exchange 2007, hiện tượng mail gửi đến người dùng trong tổ chức nằm trên Server Hub Transport, không tới được Mailbox người dùng, cần kiểm tra thực hiện kiểm tra những gì? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Kết nối Hub Server và Mailbox Server

- Trạng thái các Database trên Mailbox Server

- Tình trạng hoạt động của Service Exchange Mailbox Store trên Mailbox Server

- Tình trạng Storage trên Mailbox Server

1. **Câu hỏi Tự luận:**

| Anh chị hãy cho biết Người dùng A phản ánh không thể đăng nhập vào Web mail, cần kiểm tra những gì? | | | *ES* |
| --- | --- | --- | --- |
| **#** |  |  |  |
|  |  |  |  |
| *Don't forget to include the deadline!* | | |  |

Trả lời:

- Trạng thái của người dùng A trên hệ thống AD.

- IIS trên Server Client Access

- Kết nối tới Server Client Access

- Tình trạng mailbox của người dùng A.

- Tình trạng database chứa mailbox của người dùng

- Tình trạng Server Mailbox chứa người dùng A.